

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Ông Đoàn Văn Nhuộm	Thành viên Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Võ Tấn Phong	Thành viên Hội đồng Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyền	Thành viên Hội đồng Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Văn Nhuộm	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Trịnh Kim Nhạc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014)
Bà Phạm Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoài Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11/11/14

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2015

01
HÀ
T
H
T
N
H

Số: *411/VNIA-HC-BC*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo



[Signature]
Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

[Signature]
Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		15.987.085.482.248	26.573.782.056.798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.673.662.281.696	3.933.145.819.182
1. Tiền	111		3.972.680.781.229	3.432.992.491.982
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.866.666.667	500.000.000.000
3. Tiền đang chuyển	113		114.833.800	153.327.200
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		900.000.000.000	1.000.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		900.000.000.000	1.000.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.729.575.540.538	16.365.962.750.680
1. Phải thu khách hàng	131	6	8.199.158.615.374	15.303.211.534.205
2. Trả trước cho người bán	132		43.164.047.186	101.160.523.934
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		292.469.487	292.467.487
4. Các khoản phải thu khác	135	7	559.971.561.064	1.005.617.875.619
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(73.011.152.573)	(44.319.650.565)
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.615.039.321.920	4.885.758.773.881
1. Hàng tồn kho	141		2.302.405.077.767	4.885.758.773.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(687.365.755.847)	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	150		68.808.338.094	388.914.713.055
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.328.456.982	2.061.912.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	9	6.140.598.106	381.973.756.441
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	56.742.004.977	800.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.597.278.029	4.878.244.355
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		6.238.943.385.177	6.701.786.568.995
I. Tài sản cố định	220		1.405.565.735.739	1.433.014.299.710
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.099.178.996.196	1.152.586.274.305
- Nguyên giá	222		2.030.391.136.807	1.952.882.585.348
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(931.212.140.611)	(800.296.311.043)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	216.311.773.601	174.033.775.480
- Nguyên giá	228		258.754.957.977	205.120.910.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.443.184.376)	(31.087.134.602)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	90.074.965.942	106.394.249.925
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.528.388.808.001	4.882.538.361.048
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	5.060.023.062.830	4.945.581.578.486
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	1.048.749.399.718	1.059.777.946.503
3. Góp vốn liên doanh	253	16	219.999.521.747	219.999.521.747
4. Đầu tư dài hạn khác	258	17	165.190.000.000	160.703.700.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	18	(1.965.573.176.294)	(1.503.524.385.688)
III. Tài sản dài hạn khác	260		304.988.841.437	386.233.908.237
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	304.792.255.547	386.080.322.347
2. Tài sản dài hạn khác	268		196.585.890	153.585.890
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.226.028.867.425	33.275.568.625.793

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		13.653.319.551.154	22.900.537.431.407
I. Nợ ngắn hạn	310		12.676.755.188.397	22.650.308.384.802
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	2.260.367.525.616	6.411.445.280.102
2. Phải trả người bán	312		9.430.182.870.659	15.535.961.360.659
3. Người mua trả tiền trước	313		84.399.081.063	5.874.585.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	129.251.451.293	197.011.692.915
5. Phải trả người lao động	315		57.832.432.998	79.933.780.711
6. Chi phí phải trả	316	22	72.115.370.376	116.301.768.047
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	642.606.456.392	303.779.916.618
II. Nợ dài hạn	330		976.564.362.757	250.229.046.605
1. Phải trả dài hạn	331		-	60.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	333		149.500.000	89.500.000
3. Vay và nợ dài hạn	334	24	345.639.332.963	384.613.682.194
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	25	35.916.910.897	39.595.457.577
5. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340	26	594.858.618.897	(174.129.593.166)
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.572.709.316.271	10.375.031.194.386
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	8.572.709.316.271	10.375.031.194.386
1. Vốn điều lệ	411		10.884.251.000.000	10.884.251.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		123.287.992.719	107.393.780.962
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		20.773.000.000	20.773.000.000
4. Lỗ lũy kế	420		(2.462.110.558.561)	(667.568.901.289)
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		6.507.882.113	30.182.314.713
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		22.226.028.867.425	33.275.568.625.793

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	986.292.648.221	1.561.848.562.573
2. Ngoại tệ các loại (USD)	40.218.340	10.296.453



Nguyễn Thị Thụy Phương
Người lập biểu



Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	53.197.465.385.334	54.886.437.262.084		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	578.759.961.805	777.450.100.664		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	28	52.618.705.423.529	54.108.987.161.420		
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	52.792.467.285.824	52.338.259.227.495		
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(173.761.862.295)	1.770.727.933.925		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	238.636.525.038	327.380.808.719		
7. Chi phí tài chính	22	32	797.920.663.536	1.787.157.110.986		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		259.872.139.482	222.879.381.039		
8. Chi phí bán hàng	24		772.852.031.791	627.496.217.787		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		199.038.553.064	210.916.414.533		
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(1.704.936.585.648)	(527.461.000.662)		
11. Thu nhập khác	31	33	42.531.332.002	42.179.873.213		
12. Chi phí khác	32	33	6.622.644.576	27.712.150.468		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	35.908.687.426	14.467.722.745		
14. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	34	(1.669.027.898.222)	(512.993.277.917)		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	-	178.590.909.818		
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	(3.678.546.680)	(12.482.051.969)		
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	36	(1.665.349.351.542)	(679.102.135.766)		

Nguyễn Thị Thụy Phương
 Người lập biểu

Nguyễn Đăng Trinh
 Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 19 tháng 3 năm 2015

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

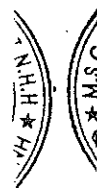
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lộ trước thuế</i>	01	(1.669.027.898.222)	(512.993.277.917)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	130.926.447.130	108.663.284.661
Các khoản dự phòng	03	1.180.022.613.018	1.516.054.207.954
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	751.588.730	495.771.186
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(194.405.287.870)	(276.555.845.930)
Chi phí lãi vay	06	259.872.139.482	222.879.381.039
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(291.860.397.732)	1.058.543.520.993
Thay đổi các khoản phải thu	09	7.873.252.680.069	(1.885.655.036.240)
Thay đổi hàng tồn kho	10	2.583.353.696.114	(445.980.264.357)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(4.895.608.773.185)	(954.077.273.820)
Thay đổi chi phí trả trước	12	85.493.643.556	(34.513.779.516)
Tiền lãi vay đã trả	13	(256.915.177.613)	(218.635.738.525)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(107.691.865.858)	(6.058.819.125)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(9.456.628.120)	(28.614.003.825)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	4.980.567.177.231	(2.514.991.394.414)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(188.097.912.978)	(261.215.923.730)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.926.909.092	3.199.066.347
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(900.000.000.000)	(1.000.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(69.161.353.202)	(20.335.407.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	51.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.613.965.653	240.136.713.517
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(49.718.391.435)	(987.215.550.866)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.827.737.242.899	17.358.304.683.820
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.022.434.959.259)	(13.732.229.373.496)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(4.194.697.716.360)	3.626.075.310.324
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	736.151.069.436	123.868.365.044
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.933.145.819.182	3.809.953.270.585
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.365.393.078	(675.816.447)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.673.662.281.696	3.933.145.819.182



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 10.920.938.042 đồng (2013: 60.601.099.042 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 16.312.199.950 đồng (2013: 14.318.707.450 đồng) là giá trị phần cổ tức trong năm chưa thu được từ các Công ty con. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Nguyễn Thị Thụy Phương
Người lập biểu

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2015

011
CH
CÍ
SCHI
DE
VII
/ /

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo Quyết định số 1250/QĐ-DKVN ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Tổng Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí và Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ.

Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005189 ngày 26 tháng 6 năm 2008. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 với vốn điều lệ là 7.220.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 7 năm 2013, vốn điều lệ điều chỉnh của Tổng Công ty là 10.884.251.000.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 831 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 866 người).

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông
- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ
- Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè
- Ban quản lý Dự án Lai Vu
- Ban quản lý Nhà Bè
- Ban quản lý Dự án Miền Trung
- Chi nhánh PV Oil Hà Tĩnh
- Chi nhánh PV Oil Bà Rịa Vũng Tàu
- Chi nhánh PV Oil Quảng Ngãi
- Chi nhánh PV Oil Thừa Thiên Huế

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là xuất nhập khẩu và kinh doanh dầu thô trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm dầu trong và ngoài nước; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Sản xuất sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Xuất nhập khẩu sản phẩm dầu và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, hóa chất, vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vật tư thiết bị hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Môi giới và cung ứng tàu biển; Kinh doanh khách sạn, du lịch (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi; Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, chúng tôi khuyến nghị người đọc báo cáo tài chính riêng này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và phát hành trong một báo cáo tài chính khác.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

12/11/2014
H
/ UH
E
/ 09/11

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn phân bổ theo thời hạn quy định trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Tổng Công ty trong năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị tiền thuê đất, thuê văn phòng và chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, các chi phí quảng cáo, sửa chữa với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích.

Nguồn vốn và phân phối lợi nhuận

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm nguồn vốn do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cấp bằng tiền mặt và nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm theo quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh hoặc được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cấp. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo Điều 38 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Lợi nhuận của Tổng Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.
- Lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:
 - Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty;
 - Trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng Viên chức quản lý điều hành căn cứ vào kết quả phân loại doanh nghiệp.
 - Trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào kết quả phân loại doanh nghiệp.
 - Số lợi nhuận còn lại được bổ sung quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển của Tổng Công ty.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 234/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 09 tháng 12 năm 2009 về việc “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu”.

Từ ngày 01 tháng 11 năm 2014, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công thương và Bộ Tài chính thay thế cho Thông tư số 234/2009/TT-BTC, quy định về phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Quỹ Bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.083.531.964	2.510.428.210
Tiền gửi ngân hàng	3.971.597.249.265	3.430.482.063.772
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư tài khoản quỹ bình ổn (ii)</i>	449.271.923.772	-
Tiền đang chuyển	114.833.800	153.327.200
Các khoản tương đương tiền (i)	700.866.666.667	500.000.000.000
	<u>4.673.662.281.696</u>	<u>3.933.145.819.182</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5,2% đến 5,45%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,8%/năm).
- (ii) Số dư tài khoản quỹ bình ổn được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (i)	3.887.076.601.125	10.019.993.232.635
Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	1.181.038.715.718	1.225.477.052.387
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	311.647.978.928	256.944.708.631
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	290.487.269.278	467.981.328.763
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí (Petechim)	187.471.591.430	136.724.474.884
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	178.592.707.498	227.860.173.622
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	143.391.530.648	39.262.305.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	142.644.069.323	347.144.079.106
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	134.691.884.073	328.628.389.052
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	113.618.880.171	94.901.593.421
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	103.845.127.536	155.027.700.949
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	88.623.621.824	120.813.700.087
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	80.377.432.632	140.610.941.624
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mê Kông	77.983.619.195	345.073.359.141
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	71.575.843.425	177.274.961.186
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	69.052.490.983	293.486.845.433
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	62.762.225.767	96.162.379.735
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	57.811.275.356	104.410.334.040
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	51.554.990.467	73.123.930.331
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	21.313.675.930	28.918.199.597
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	18.625.227.997	29.828.344.421
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	14.785.465.614	42.945.089.936
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	13.522.114.827	16.835.812.289
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	11.480.270.810	57.012.020.062
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	-	193.549.245.009
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	-	41.991.052.934
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	39.720.911.669
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	32.481.248.052
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	-	22.190.723.636
Tiền dầu mỏ Bạch Hổ xuất khẩu	729.644.548.261	-
Phải thu khách hàng khác	155.539.456.558	146.837.395.823
	<u>8.199.158.615.374</u>	<u>15.303.211.534.205</u>

- (i) Đây là khoản tiền phải thu của Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn để thực hiện các hoạt động mua và nhập khẩu ủy thác cho Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn và các phân phi ủy thác có liên quan.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế tạm nộp kinh doanh tạm nhập tái xuất	136.049.096.134	210.994.047.858
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	2.065.500.000	30.047.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	55.696.354.589	50.238.731.400
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	20.182.027.769	27.368.999.423
Thuế Tiêu thụ đặc biệt chờ khấu trừ (i)	99.616.762.203	126.808.120.785
Cho vay xăng dầu	7.832.519.772	77.113.961.219
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil Lube	1.676.542.591	12.806.130.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	10.535.825.596	16.045.865.627
Thuế Xuất khẩu dầu thô chờ cân trừ, nộp trước hạn (ii)	76.435.004.408	120.531.793.988
Lợi nhuận tạm phân phối Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	47.016.184.142	162.403.191.943
Các khoản phải thu khác	102.865.743.860	171.259.233.376
	<u>559.971.561.064</u>	<u>1.005.617.875.619</u>

(i) Là số thuế tiêu thụ đặc biệt của nguyên vật liệu Condensate và hàng pha chế chờ được khấu trừ của những năm trước và năm nay.

(ii) Là số thuế xuất khẩu dầu thô chờ cân trừ trong năm 2014, số thuế này sẽ được bù trừ với số thuế đến hạn phải nộp trong năm 2015.

8. HÀNG TỒN KHO

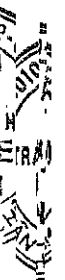
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	198.435.058.287	766.005.465.429
Nguyên liệu, vật liệu	341.945.385.625	103.201.250.760
Công cụ, dụng cụ	3.805.005.904	8.950.125.307
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	682.652.209.275	249.793.158.290
Thành phẩm tồn kho	144.200.916.154	1.146.382.635.956
Hàng hóa	931.366.502.522	2.611.426.138.139
	<u>2.302.405.077.767</u>	<u>4.885.758.773.881</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(687.365.755.847)	-
	<u>1.615.039.321.920</u>	<u>4.885.758.773.881</u>

9. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phần thuế giá trị gia tăng đầu vào của Tổng Công ty chưa thực hiện khấu trừ. Việc khấu trừ khoản thuế này trong năm tiếp theo sẽ phụ thuộc vào việc kê khai của Tổng Công ty và sự kiểm tra, phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

10. CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra nộp thừa	800.000	800.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	26.243.321.851	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong năm	30.496.184.910	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.698.216	-
	<u>56.742.004.977</u>	<u>800.000</u>



TẬP ĐOÀN ĐÀU KHI VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

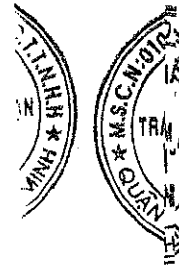
11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	1.465.989.993.487	405.371.773.992	46.056.928.260	29.420.455.753	6.043.433.856	1.952.882.585.348
Mua sắm mới	2.765.836.778	6.012.183.308	199.560.000	760.684.831	71.534.000	9.809.798.917
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24.764.722.471	64.664.490.531	-	-	-	89.429.213.002
Tặng khác (i)	12.232.780.161	18.020.130.946	1.097.130.357	195.966.887	436.361.091	31.982.369.442
Thanh lý, nhượng bán	(781.760.000)	(2.711.374.895)	(3.903.940.782)	-	(187.454.545)	(7.584.530.222)
Giảm khác (i)	(32.953.728.959)	(13.174.570.721)	-	-	-	(46.128.299.680)
Tại ngày 31/12/2014	1.472.017.843.938	478.182.633.161	43.449.677.835	30.377.107.471	6.363.874.402	2.030.391.136.807
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	577.460.369.763	168.036.019.407	32.643.082.252	17.804.934.660	4.351.904.961	800.296.311.043
Trích khấu hao trong năm	72.501.246.419	37.755.628.788	4.734.567.535	5.404.347.731	541.169.250	120.936.959.723
Tặng khác (i)	12.034.928.875	8.107.934.837	1.097.130.357	195.966.887	-	21.435.960.956
Thanh lý, nhượng bán	(781.760.000)	(2.711.374.895)	(3.903.940.782)	-	(187.454.545)	(7.584.530.222)
Giảm khác (i)	(2.975.845.757)	(880.917.574)	(15.797.558)	-	-	(3.872.560.889)
Tại ngày 31/12/2014	658.238.939.300	210.307.290.563	34.555.041.804	23.405.249.278	4.705.619.666	931.212.140.611
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	813.778.904.638	267.875.342.598	8.894.636.031	6.971.858.193	1.658.254.736	1.099.178.996.196
Tại ngày 31/12/2013	888.529.623.724	237.335.754.585	13.413.846.008	11.615.521.093	1.691.528.895	1.152.586.274.305

(i) Tăng/Giảm khác thể hiện nguyên giá và khấu hao của những tài sản tại kho Nhà Bè và Quảng Ngãi được hạch toán tăng/giảm thêm do trong năm Tổng Công ty nhận được Biên bản quyết toán công trình hoàn thành.

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp công trình Kho xăng dầu Cù Lao Tào và Cảng Cù Lao Tào với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tương ứng là 198.288.472.248 đồng (31/12/2013: 210.701.482.360 đồng) và 11.065.425.115 đồng (31/12/2013: 11.837.087.355 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản có định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 321.146.614.514 đồng (31/12/2013: 338.207.763.477 đồng).



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	168.918.333.806	36.202.576.276	205.120.910.082
Mua sắm mới	1.481.367.953	984.086.340	2.465.454.293
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	49.440.031.235	362.000.000	49.802.031.235
Tăng khác	1.594.544.926	-	1.594.544.926
Giảm khác	-	(227.982.559)	(227.982.559)
Tại ngày 31/12/2014	221.434.277.920	37.320.680.057	258.754.957.977
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	16.263.134.346	14.824.000.256	31.087.134.602
Trích khấu hao trong năm	2.911.357.660	7.078.129.747	9.989.487.407
Tăng khấu hao khác	1.594.544.926	-	1.594.544.926
Giảm khấu hao khác	-	(227.982.559)	(227.982.559)
Tại ngày 31/12/2014	20.769.036.932	21.674.147.444	42.443.184.376
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	200.665.240.988	15.646.532.613	216.311.773.601
Tại ngày 31/12/2013	152.655.199.460	21.378.576.020	174.033.775.480

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	13.879.513.856	27.111.239.215
Bồn pha chế xăng E5 tại Nhà Bè và Đà Nẵng	14.468.374.410	26.180.647.795
Công trình tại Ban QLDA Phía Bắc	-	11.742.076.875
Công trình mở rộng kho xăng dầu Nhà Bè	-	6.950.211.310
Công trình tại Ban QLDA Nhà Bè	-	1.999.416.737
Công trình mở rộng nhà máy chế biến Condensate	10.229.106.754	10.938.075.109
Nâng cấp đồng bộ công nghệ các kho xăng dầu	38.430.344.873	12.669.494.873
Khu bồn chứa xăng dầu Phú Thọ	6.111.869.091	501.750.000
Công trình đầu tư dự án mở rộng	-	-
Kho xăng dầu Cù Lao Tào	3.175.889.202	3.175.889.202
Các công trình khác	3.779.867.756	5.125.448.809
	90.074.965.942	106.394.249.925

Tổng chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị các công trình trong năm 2014 là 0 đồng (2013: 4.517.883.136 đồng).



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

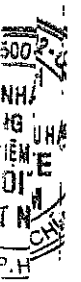
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Vốn đã góp 31/12/2014	Tỷ lệ sở hữu theo vốn	Vốn đã góp 31/12/2013
	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	330.506.505.471	92,19	330.506.505.471
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	89.700.000.000	95,14	89.700.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	10.587.243.636	51,00	10.587.243.636
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	55.773.000.000	62,67	55.773.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	56.500.000.000	56,50	56.500.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	15.226.398.000	70,00	15.226.398.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	22.422.358.000	96,14	22.422.358.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	41.071.926.000	51,37	41.071.926.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	52.338.105.200	52,68	52.338.105.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	22.979.830.211	23,61	22.979.830.211
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	68.059.759.357	77,21	60.734.545.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	123.157.412.598	67,13	123.157.412.598
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	178.366.000.000	71,35	178.366.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	338.188.000.000	67,64	338.188.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	130.350.800.000	65,18	130.350.800.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	68.619.000.000	57,18	68.619.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	88.400.000.000	68,00	88.400.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	27.000.000.000	40,50	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	102.200.000.000	78,62	102.200.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	59.735.000.000	74,67	59.735.000.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào (i)	172.234.074.264	100	172.234.074.264
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu quốc tế Singapore	63.832.467.565	100	63.832.467.565
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	50.838.160.844	86,96	50.838.160.844
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	56.000.000.000	70,00	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	35.840.800.000	71,68	35.840.800.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	100.157.137.120	71,43	100.157.137.120
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	54.111.814.577	72,00	54.111.814.577
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	34.680.000.000	66,85	34.680.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	25.500.000.000	51,00	25.500.000.000
Công ty cổ phần TM DL XDDK Hà Giang	14.280.000.000	64,57	14.280.000.000
Tổng Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)	2.464.251.000.000	94,55	2.464.251.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	107.116.269.987	50,85	-
Cộng	5.060.023.062.830		4.945.581.578.486

(i) Vốn góp của Tổng Công ty là 1.356.300.001 Kíp Lào (tương đương 172.234.074.264 đồng).



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Vốn đã góp 31/12/2014	Vốn đã góp 31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên Liệu sinh học dầu khí	279.094.330.000	279.094.330.000
Công ty Cổ phần Thương mại dầu khí Petechim	58.000.000.000	58.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	8.434.610.000	7.326.480.000
Công ty Cổ phần xăng dầu Comeco	208.510.326.516	181.579.327.901
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (i)	-	83.008.155.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bình Thuận	16.165.576.000	16.165.576.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Quảng Trị	2.371.500.000	2.371.500.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	380.525.000.000	380.525.000.000
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	51.707.577.602	51.707.577.602
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	43.940.479.600	-
	1.048.749.399.718	1.059.777.946.503

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức làm tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tăng từ 33,99% lên 50,85%. Do vậy, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức được phân loại sang đầu tư vào công ty con.

16. GÓP VỐN LIÊN DOANH

	Vốn đã góp 31/12/2014	Vốn đã góp 31/12/2013
	VND	VND
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	6.243.780.000	6.243.780.000
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	15.710.834.000	15.710.834.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Phương Đông	198.044.907.747	198.044.907.747
	219.999.521.747	219.999.521.747

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị dầu khí	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	28.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	26.090.000.000	26.090.000.000
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (i)	-	23.513.700.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mê Kông (Mekongtrans)	7.500.000.000	7.500.000.000
	165.190.000.000	160.703.700.000

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau làm tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tăng từ 13,74% lên 24,26%. Do vậy, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được phân loại sang đầu tư vào công ty liên kết.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà Petro Tower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con (i)	1.607.268.939.282	1.336.725.651.411
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Liên kết	151.303.662.445	51.707.577.602
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Liên doanh	172.254.032.863	95.546.655.561
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	34.746.541.704	19.544.501.114
	<u>1.965.573.176.294</u>	<u>1.503.524.385.688</u>

(i) Số dư trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con bao gồm khoản trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư vào Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (Petec) với số tiền khoảng 1.470 tỷ đồng và các công ty con khác.

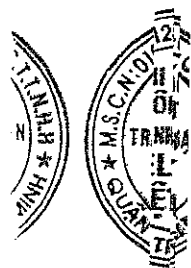
19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1	271.771.561.976	277.642.682.187
Tiền thuê đất trả trước	10.661.882.664	277.031.200
Công cụ, dụng cụ	810.568.859	14.640.391.303
Chi phí chính trang ngoại thất các CHXD theo nhận dạng thương hiệu PV Oil	-	73.103.874.262
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.548.242.048	20.416.343.395
	<u>304.792.255.547</u>	<u>386.080.322.347</u>

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.124.790.219.546	2.709.364.619.979
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	511.174.581.623	2.124.505.999.374
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	509.349.734.920	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long	-	491.524.023.418
Ngân hàng HSBC	-	455.422.450.955
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	-	524.789.527.176
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	115.052.989.527	105.838.659.200
	<u>2.260.367.525.616</u>	<u>6.411.445.280.102</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư của khoản vay ngắn hạn bao gồm 23.823.655 Đô la Mỹ và 1.635.964.801.169 đồng (31/12/2013: 9.067.440 Đô la Mỹ và 6.114.507.297.050 đồng). Các khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất cố định quy định theo từng lần nhận nợ là 1%/năm (đối với Đô la Mỹ) và dao động từ 3,6%/năm đến 4%/năm (đối với tiền đồng). Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động của Tổng Công ty.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

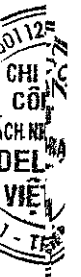
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	111.636.526.630	71.094.785
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	89.999.754.119
Thuế thu nhập cá nhân	1.852.182.885	1.400.642.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	77.195.680.948
Thuế bảo vệ môi trường	15.353.320.910	27.935.099.700
Thuế khác	409.420.868	409.420.868
	129.251.451.293	197.011.692.915

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như sau:

Chỉ tiêu	Phải nộp tại ngày 01/01/2014	Lũy kế từ đầu năm		Phải nộp tại ngày 31/12/2014
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Các khoản thuế phải trả, phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	71.094.785	111.708.585.561	143.153.716	111.636.526.630
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.106.893.359.477	1.106.893.359.477	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.406.239.800.642	1.406.239.800.642	-
Thuế TNCN	1.400.340.710	6.989.527.259	6.537.685.084	1.852.182.885
Thuế Bảo vệ môi trường	27.935.099.700	142.083.745.157	154.665.523.947	15.353.320.910
Các khoản phí, lệ phí	409.420.868	6.000.000	6.000.000	409.420.868
Các khoản thuế nộp thừa còn được khấu trừ				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(800.000)	-	-	(800.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.195.680.948	-	107.691.865.858	(30.496.184.910)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	89.999.754.119	121.175.029.600	237.418.105.570	(26.243.321.851)
Thuế thu nhập cá nhân	301.785	116.562.785	118.562.786	(1.698.216)
Tổng cộng	197.010.892.915	2.895.212.610.481	3.019.714.057.080	72.509.446.316
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	197.011.692.915			129.251.451.293
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	800.000			56.742.004.977

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trích trước vận chuyển	35.191.658.776	3.172.655.794
Chi phí trích trước sản phẩm dầu	23.394.520.517	94.630.211.110
Chi phí đầu tư XDCB trích trước	8.948.728.584	8.849.911.907
Chi phí trích trước khác	4.580.462.499	9.648.989.236
	72.115.370.376	116.301.768.047



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ Nhà nước	244.745.808.191	165.946.394.757
Vay trả sản phẩm dầu	285.095.134.156	8.115.179.736
Ký quỹ ngắn hạn	33.272.727	33.272.727
Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.732.241.318	129.685.069.398
	<u>642.606.456.392</u>	<u>303.779.916.618</u>

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay dài hạn	460.692.322.490	490.452.341.394
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	(115.052.989.527)	(105.838.659.200)
	<u>345.639.332.963</u>	<u>384.613.682.194</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	149.225.627.276	193.105.627.276
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	47.405.700.214	26.796.643.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	264.060.995.000	270.550.071.118
	<u>460.692.322.490</u>	<u>490.452.341.394</u>

Các khoản vay dài hạn thể hiện tổng số tiền vay với hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng nêu trên là 1.038.565.977.958 đồng. Các khoản vay này được bảo đảm bằng công trình của kho xăng dầu Cù Lao Tào, Cảng Cù Lao Tào (xem Thuyết minh số 11) và chịu lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng cộng lãi suất biên từ 3%/năm đến 4%/năm. Các khoản vay này dùng để tài trợ cho các Dự án xây dựng và mở rộng Kho Cù Lao Tào, Dự án xây dựng và mở rộng Cảng Cù Lao Tào, Dự án xây dựng, mở rộng Kho Đình Vũ, Dự án xây dựng Kho Quảng Ngãi, Chân Mây và Liên Chiểu.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	115.052.989.527	105.838.659.200
Trong năm thứ hai	114.172.645.908	104.578.659.200
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	201.522.588.830	221.941.858.650
Sau năm năm	29.944.098.225	58.093.164.344
	<u>460.692.322.490</u>	<u>490.452.341.394</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	115.052.989.527	105.838.659.200
Số phải trả sau 12 tháng	<u>345.639.332.963</u>	<u>384.613.682.194</u>

25. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

00-
 NHÀ
 IG T
 ỆM HẠ
 ĐIT
 NA
 HIỆ

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	Giá trị tài sản tăng	
	chưa thực hiện	do đánh giá lại	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	375.160.576	51.702.348.970	52.077.509.546
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	221.232.702	(12.703.284.671)	(12.482.051.969)
Tại ngày 31/12/2013	596.393.278	38.999.064.299	39.595.457.577
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	1.725.584.350	(5.404.131.030)	(3.678.546.680)
Tại ngày 31/12/2014	2.321.977.628	33.594.933.269	35.916.910.897

26. QUỸ BÌNH ỔN GIÁ XĂNG DẦU

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	(174.129.593.166)	(92.671.950.835)
Trích quỹ trong năm	954.712.356.516	849.754.990.857
Sử dụng quỹ trong năm	(185.724.144.453)	(931.212.633.188)
Số dư cuối năm	594.858.618.897	(174.129.593.166)
<i>Trong đó:</i>		
Số dư đã chuyển tiền gửi ngân hàng	449.271.923.772	-
Số dư tài khoản quỹ bình ổn chưa được kết chuyển	145.586.695.125	-

Số dư tài khoản quỹ bình ổn được theo dõi riêng trên tài khoản ngân hàng theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một phần số dư quỹ bình ổn đã được kết chuyển sang tài khoản tiền gửi ngân hàng theo đúng hướng dẫn của Thông tư liên tịch trên (đối chiếu Thuyết minh số 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lũ lũy kế) VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (iv) VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	8.420.000.000.000	84.195.463.712	79.490.074.793	27.903.706.169	50.955.314.713	8.662.544.559.387
Tập đoàn cấp bổ sung vốn bằng tiền	2.464.251.000.000	-	-	-	-	2.464.251.000.000
Lỗ trong năm	-	(679.102.135.766)	-	-	-	(679.102.135.766)
Lợi nhuận chia bổ sung cho bên liên doanh PV	-	(14.360.805.317)	-	-	-	(14.360.805.317)
Lợi nhuận liên doanh chia cho bên PV GAS năm	-	(43.660.206.020)	-	-	-	(43.660.206.020)
Phân phối lãi chênh lệch tỷ giá bồi đắp chưa thực hiện năm trước	-	(14.639.606.622)	-	-	-	(14.639.606.622)
Điều chỉnh khác	-	(1.611.276)	-	-	-	(1.611.276)
Phân loại lại theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	-	(79.490.074.793)	79.490.074.793	-	-
Tại ngày 31/12/2013	10.884.251.000.000	(667.568.901.289)	-	107.393.780.962	50.955.314.713	10.375.031.194.386
Lỗ trong năm	-	(1.665.349.351.542)	-	-	-	(1.665.349.351.542)
Lợi nhuận bổ sung phải trả về Tập đoàn (i)	-	(62.759.428.056)	-	-	-	(62.759.428.056)
Điều chỉnh lãi liên danh 2013 với PV GAS sau	-	2.088.913.828	-	-	-	2.088.913.828
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận (iii)	-	(52.627.579.745)	-	-	-	(52.627.579.745)
Trích lập các quỹ (i)	-	(15.894.211.757)	-	15.894.211.757	-	(52.627.579.745)
Sử dụng quỹ (ii)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	10.884.251.000.000	(2.462.110.558.561)	-	123.287.992.719	(23.674.432.600)	(23.674.432.600)
					27.280.882.113	8.572.709.316.271



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (i) Theo Quyết định số 5234/QĐ-DKVN ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 Công ty mẹ của Tổng Công ty, Tổng Công ty cần phải nộp về Tập đoàn khoản lợi nhuận của năm 2012 với số tiền là 62.759.428.056 đồng và tăng Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền là 15.894.211.757 đồng.
- (ii) Theo Công văn số 2426/DKVN-TCKT ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam về việc trích quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trả lại cho Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL về việc xử lý cổ phần hóa.
- (iii) Điều chỉnh phân phối lợi nhuận phát sinh năm 2013 liên quan đến phần lợi nhuận bị ảnh hưởng sau khi Tổng Công ty phải nộp số thuế tiêu thụ đặc biệt từ việc mua Condensate lô 11.2. Khoản lợi nhuận này được điều chỉnh giảm trong năm 2014 do năm 2013 ghi nhận tăng khoản phải thu này từ Tập đoàn.
- (iv) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ khác và quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Số dư quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6.507.882.113 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2013 là: 30.182.314.713).

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Doanh thu	53.197.465.385.334	54.886.437.262.084
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	52.841.905.543.816	54.608.526.738.307
Doanh thu cung cấp dịch vụ	355.559.841.518	277.910.523.777
Các khoản giảm trừ	578.759.961.805	777.450.100.664
Thuế tiêu thụ đặc biệt	534.398.522.380	743.023.177.164
Thuế bảo vệ môi trường	44.361.439.425	34.426.923.500
Tổng doanh thu thuần	<u>52.618.705.423.529</u>	<u>54.108.987.161.420</u>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Giá vốn xăng dầu đã tiêu thụ	52.710.013.449.009	52.282.174.394.987
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	82.453.836.815	56.084.832.508
	<u>52.792.467.285.824</u>	<u>52.338.259.227.495</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.934.198.847.394	8.098.894.351.107
Chi phí nhân công	174.783.213.577	224.912.888.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.926.447.130	108.617.635.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.966.742.048	241.657.803.538
Chi phí khác bằng tiền	320.546.279.481	236.259.556.699
	<u>8.877.421.529.630</u>	<u>8.910.342.235.202</u>

30/12/14
 CHI
 CÔNG
 (CHNH)
 DELI
 VIỆT
 TP.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	78.743.220.625	101.008.037.003
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.125.043.641	22.632.641.607
Cổ tức được chia	113.735.158.153	167.965.669.500
Doanh thu chuyển nhượng đầu tư	-	25.600.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.033.102.619	10.174.460.609
	<u>238.636.525.038</u>	<u>327.380.808.719</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	259.872.139.482	222.879.381.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	75.078.144.717	41.859.411.893
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	462.048.790.607	1.491.272.775.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	751.588.730	495.771.186
Chi phí chuyển nhượng đầu tư	-	30.362.282.732
Chi phí khác	170.000.000	287.489.044
	<u>797.920.663.536</u>	<u>1.787.157.110.986</u>

33. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu từ vi phạm hợp đồng	711.821.166	2.418.037.179
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.926.909.092	19.312.507.155
Khác	39.892.601.744	20.449.328.879
Thu nhập khác	<u>42.531.332.002</u>	<u>42.179.873.213</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	18.745.311.026
Khác	6.622.644.576	8.966.839.442
Chi phí khác	<u>6.622.644.576</u>	<u>27.712.150.468</u>
Lợi nhuận khác	<u>35.908.687.426</u>	<u>14.467.722.745</u>

34. TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kinh doanh sản phẩm dầu của Tổng Công ty	(1.206.979.107.615)	87.174.276.676
Lợi nhuận của kinh doanh sản phẩm hợp đồng liên doanh	-	891.105.220.499
Lỗ do các hoạt động đầu tư của Tổng Công ty	(462.048.790.607)	(1.491.272.775.092)
	<u>(1.669.027.898.222)</u>	<u>(512.993.277.917)</u>



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.669.027.898.222)	(512.993.277.917)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		
Thu nhập khi đánh giá tăng tài sản mang góp vốn năm 2010	27.017.708.411	24.625.246.827
Các khoản chi phí không được khấu trừ khác	6.334.999.173	1.344.333.376.133
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Thu nhập từ Công ty con, công ty liên kết	(112.457.486.428)	(163.119.658.633)
Thu nhập không chịu thuế khác	(10.554.443.764)	(2.710.878.536)
Thu nhập chịu thuế	<u>(1.758.687.120.830)</u>	<u>690.134.807.874</u>
Trừ: Lỗ tính thuế mang sang	-	-
Thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh	(1.758.687.120.830)	690.134.807.874
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	172.533.701.969
Cộng: Chi phí thuế thu nhập bổ sung cho các khoản điều chỉnh những kỳ trước	-	6.057.207.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>178.590.909.818</u>

36. LỖ SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kinh doanh sản phẩm dầu của Tổng Công ty	(1.203.300.560.935)	(78.934.581.173)
Lợi nhuận của kinh doanh sản phẩm hợp đồng liên doanh	-	891.105.220.499
Lỗ do các hoạt động khác của Tổng Công ty (i)	(462.048.790.607)	(1.491.272.775.092)
	<u>(1.665.349.351.542)</u>	<u>(679.102.135.766)</u>

(i) Trong đó, lỗ do trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

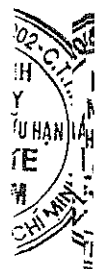
37. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết vốn**

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 được phê duyệt ngày 29 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản và đầu tư tài chính trong năm 2015 với số tiền là 173 tỷ đồng.

Cam kết thuê hoạt động

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	48.244.490.590	70.086.256.251

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	47.892.596.360	66.918.029.077
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.735.333.333	3.329.431.818
	<u>49.627.929.694</u>	<u>70.247.460.895</u>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền mà Tổng Công ty phải trả cho việc thuê kho Vũng Áng, Cái Lân, Mê Kông, Cần Thơ, Vũng Rô, Thái Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Long, Liên Chiểu, Chân Mây và Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Bắc.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

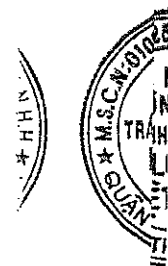
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	2.606.006.858.579	6.796.058.962.296
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.662.281.696	3.933.145.819.182
Nợ thuần	(2.067.655.423.117)	2.862.913.143.114
Vốn chủ sở hữu	8.572.709.316.271	10.375.031.194.386
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>27,59%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.662.281.696	3.933.145.819.182
Đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	1.000.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.366.478.110.835	15.689.370.489.624
Tài sản tài chính khác	575.367.819	2.904.386.619
Tổng cộng	<u>13.940.715.760.350</u>	<u>20.625.420.695.425</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.606.006.858.579	6.796.058.962.296
Phải trả người bán và phải trả khác	10.071.133.076.387	15.838.358.896.902
Chi phí phải trả	72.115.370.376	116.301.768.047
Tổng cộng	<u>12.749.255.305.342</u>	<u>22.750.719.627.245</u>



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Trình bày lại		Trình bày lại	
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	875.558.309.424	237.482.484.985	612.697.321.778	1.559.528.642.151

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lỗ trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng là 5.257.219.753 đồng (2013: 26.440.923.143 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty đánh giá rủi ro tín dụng có thể kiểm soát được do khách hàng chủ yếu là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.662.281.696	-	-	4.673.662.281.696
Đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	-	-	900.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu	8.366.478.110.835	-	-	8.366.478.110.835
Tài sản tài chính khác	575.367.819	-	-	575.367.819
Tổng cộng	13.940.715.760.350	-	-	13.940.715.760.350
31/12/2014				
Các khoản vay	2.260.367.525.616	315.695.234.738	29.944.098.225	2.606.006.858.579
Phải trả người bán và phải trả khác	10.071.133.076.387	-	-	10.071.133.076.387
Chi phí phải trả	72.115.370.376	-	-	72.115.370.376
Tổng cộng	12.403.615.972.379	315.695.234.738	29.944.098.225	12.749.255.305.342
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.537.099.787.971	(315.695.234.738)	(29.944.098.225)	1.191.460.455.008
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.933.145.819.182	-	-	3.933.145.819.182
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu	15.689.370.489.624	-	-	15.689.370.489.624
Tài sản tài chính khác	2.904.386.619	-	-	2.904.386.619
Tổng cộng	20.625.420.695.425	-	-	20.625.420.695.425
31/12/2013				
Các khoản vay	6.411.445.280.102	326.520.517.850	58.093.164.344	6.796.058.962.296
Phải trả người bán và phải trả khác	15.838.358.896.902	-	-	15.838.358.896.902
Chi phí phải trả	116.301.768.047	-	-	116.301.768.047
Tổng cộng	22.366.105.945.051	326.520.517.850	58.093.164.344	22.750.719.627.245
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.740.685.249.626)	(326.520.517.850)	(58.093.164.344)	(2.125.298.931.820)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng để bù đắp thiếu hụt nguồn vốn lưu động Tổng Công ty có thể huy động được các nguồn vốn từ các khoản vay, cũng như sự hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty sẽ có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Thu nhập của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	11.262.075.627	14.092.102.521

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Lào	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu quốc tế Singapore	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty con
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần TM DL Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Công ty con
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty con

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên Liệu sinh học Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xăng dầu Comeco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Bình Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Quảng Trị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Phương Đông	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí (i)	Đơn vị nhận đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (i)	Đơn vị nhận đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (i)	Đơn vị nhận đầu tư dài hạn khác
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Công Nghệ Năng Lượng Dầu Khí Việt Nam	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông (OBF)	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	Các công ty khác cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- (i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng Tập đoàn)



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Bảo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	3.887.076.601.125	10.042.183.956.271
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư - CTCP	1.181.038.715.718	1.225.477.052.387
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro	311.647.978.928	256.944.708.631
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	290.487.269.278	467.981.328.763
Công ty Cổ Phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	187.471.591.430	136.724.474.884
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	178.592.707.498	227.860.173.622
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	143.391.530.648	39.262.305.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	142.644.069.323	347.144.079.106
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	134.691.884.073	328.628.389.052
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	113.618.880.171	94.901.593.421
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	103.845.127.536	155.027.700.949
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	88.623.621.824	120.813.700.087
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	80.377.432.632	140.610.941.624
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	77.983.619.195	345.073.359.141
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	71.575.843.425	177.274.961.186
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	69.052.490.983	293.486.845.433
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	62.762.225.767	96.162.379.735
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (PV Oil Lube)	57.811.275.356	104.410.334.040
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	51.554.990.467	73.123.930.331
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	21.313.675.930	28.918.199.597
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	18.625.227.997	29.828.344.421
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	14.785.465.614	42.945.089.936
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	11.480.270.810	57.012.020.062
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	11.114.004.039	9.010.825.744
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	13.522.114.827	16.835.812.289
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	8.081.969.390	5.812.488.033
Công ty Cổ phần Thương mại - Du lịch - Xăng dầu		
Dầu khí Hà Giang	3.480.395.446	1.389.876.603
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	2.160.324.960	2.160.324.960
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.634.306.899	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	32.481.248.052
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	-	193.549.245.009
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên - Huế	-	41.991.052.934
Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp Phú Yên	-	39.509.065.096

1256
 HI N
 CÓN
 HNH
 ELI
 VIET
 -TF

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

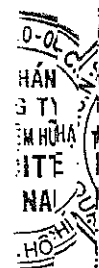
Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Phải thu khác	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Thương mại Dầu khí - Nộp hộ thuế	55.696.354.589	50.238.731.400
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	47.016.184.142	162.403.191.943
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	20.182.027.769	27.368.999.423
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	12.918.289.265	12.823.133.090
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam	10.535.825.596	16.045.865.627
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư - CTCP	6.235.585.283	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.065.500.000	30.047.800.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil (PV Oil Lube)	1.676.542.591	15.616.044.223
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.005.686.123	2.371.828.902
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	348.792.049	1.094.583.842
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	-	1.116.305.544
Công ty CP Đầu tư hạ tầng và đô thị (Petroland)	3.600.000.000	3.600.000.000
Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.349.031.060	1.349.031.060
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	-	3.372.478.766
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	1.180.976.589
Công ty Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học	1.747.671.157	1.747.671.157
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.123.092.564
TCT CP vận tải Dầu khí (PV Trans)	-	3.464.274.374
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	-	3.483.960.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	5.459.143.913
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	-	1.033.802.153



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

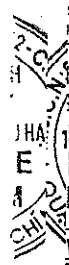
Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Phải trả nhà cung cấp	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn	3.260.186.087.812	3.867.284.880.945
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro	2.039.360.527.588	2.547.465.793.628
PV Oil Singapore Pte Ltd.	810.132.386.046	947.789.114.402
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	225.482.158.659	132.759.628.728
Công ty Cổ phần Sản xuất và chế biến dầu khí Phú Mỹ	220.245.032.791	221.961.615.382
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	113.430.405.049	430.575.595.079
Công ty chế biến khí Vũng Tàu	38.098.766.244	16.173.590.432
Tổng Công ty Cổ phần vận tải dầu khí	27.730.056.467	24.593.784.620
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam	11.053.001.453	4.298.282.574
Công ty Cổ Phần Thương mại Dầu khí (Petechim)	8.377.346.271	62.268.747.666
Công ty CP vận tải dầu Phương Đông Việt	6.952.050.686	436.914.110
CTy TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	4.311.746.208	2.846.984.398
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.274.268.142	6.119.463.511
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Mê Kông	4.047.264.618	4.108.805.908
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	3.739.372.732	3.735.000.000
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Cái Lân	3.057.000.000	2.292.750.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	1.804.209.450	57.161.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.110.918.128	-
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	25.507.914	13.082.449.230
Ban quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.433.733.270
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí	-	4.567.157.400
Công ty bảo hiểm PVI TP.HCM	-	1.071.971.113
Công ty Cổ phần Giám Định Năng Lượng Việt Nam	-	1.626.381.529
CT CP Kết Cấu Kim Loại và lắp máy Dầu Khí	-	20.389.601.052
Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật dầu khí biển PVD	-	1.140.546.851
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Phải trả khác	VND	VND
Công ty Xăng dầu Khu vực II - Vay trả sản phẩm dầu	-	5.850.072.009
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	15.493.091.947	-
Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro (nhập UTSPD)	188.411.485.606	60.651.151.479



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2014	2013
	VND	VND
Nghiệp vụ bán hàng chủ yếu		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	6.221.651.938.961	6.805.338.249.558
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.857.794.468.095	5.804.509.626.077
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư - CTCP	4.481.628.463.039	2.497.636.170.755
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	4.310.065.081.802	5.691.177.638.145
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.139.373.693.321	3.745.919.454.987
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.656.964.583.698	2.280.867.596.151
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	2.439.181.676.767	3.777.812.964.975
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	2.371.275.923.954	2.414.928.952.030
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	1.809.263.855.440	1.843.736.778.448
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.710.858.011.430	2.085.751.177.487
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	1.704.783.247.073	2.195.776.610.695
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	1.704.101.345.073	1.497.517.714.297
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	1.672.757.811.304	1.336.130.143.291
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	1.658.524.380.872	2.025.112.087.321
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	1.313.523.859.926	1.773.982.528.697
Công Ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí	1.269.705.464.511	839.185.531.559
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	1.265.289.643.341	902.152.600.216
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	1.077.482.904.729	1.230.699.296.442
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	950.252.700.332	574.537.211.453
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	924.318.477.591	1.282.967.579.678
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	916.248.708.130	319.030.021.277
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	793.778.813.985	943.884.095.297
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	751.534.212.172	673.446.114.445
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	679.181.633.121	462.389.904.217
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	290.997.496.507	225.920.168.222
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	287.457.417.113	169.783.058.326
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	142.208.849.217	66.572.543.661
Cty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	47.837.041.711	51.313.895.415
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	11.867.371.761	46.718.071.787
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Cái Lân	8.337.272.724	
Công ty CP Sản xuất & chế biến Dầu khí Phú Mỹ	7.571.061.702	8.760.915.031
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	5.000.895.404	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu dầu khí PVOIL Lào	-	78.833.217.277
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	-	2.339.726.567
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam	-	142.129.237.419



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Nghịệp vụ mua hàng chủ yếu	2014	2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	34.350.022.936.908	43.395.129.440.933
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu quốc tế Singapore	4.828.477.068.229	4.537.874.098.252
Tổng Công ty Khí Việt Nam	816.186.429.235	418.887.561.154
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	505.287.259.544	551.818.245.463
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	289.834.744.846	340.405.400.075
Công ty Cổ phần Sản xuất & chế biến Dầu khí Phú Mỹ	196.379.634.888	363.344.881.091
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu Khí Việt Nam	124.522.012.135	138.887.429.009
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	111.451.442.614	56.122.135.114
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	85.278.640.398	141.417.272.248
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học dầu khí Miền Trung	36.018.226.287	11.358.278.171
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Hải Phòng	34.075.385.945	38.610.764.434
Công ty Cổ phần PVI	14.889.205.022	39.574.500.370
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	14.544.786.013	49.764.591.090
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Áng	13.887.322.144	11.709.009.090
Công ty Cổ phần Giám định năng lượng Việt Nam	13.422.936.990	5.557.085.989
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn	12.356.079.544	21.946.862.284
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển	9.586.871.399	9.170.463.952
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	9.266.553.113	13.268.070.716
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	8.337.272.724	8.338.403.635
Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật dầu khí biển PVD	8.293.993.127	7.694.809.467
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	3.983.663.542	4.538.611.208
Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông	3.919.769.280	79.310.172.440
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	3.873.530.310	3.519.852.927
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	3.538.063.732	1.837.150.485
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	2.648.365.268	1.584.545.460
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.524.753.833	2.623.952.459
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCổ phần	2.134.421.166	519.223.534
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV Oil Miền Trung	2.028.687.273	1.624.426.358
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1.448.527.353	2.016.338.112
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.176.026.061	1.418.844.039
Tổng Công ty Công Nghệ Năng Lượng Dầu Khí Việt Nam	799.454.545	9.421.060.622
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	761.983.059	1.195.014.420
Tổng công ty Bảo hiểm PVI	121.743.264	1.196.639.204
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	-	72.776.372.288
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	59.985.732.219
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	-	21.215.150.248
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống bể chứa Dầu Khí	-	4.908.201.062
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	3.326.638.818



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Cổ tức nhận được	2014	2013
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xăng dầu dầu khí Lào	34.275.649.033	42.389.153.115
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Comeco	9.234.898.000	7.661.375.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh dầu Quốc tế Singapore	7.832.862.320	21.690.850.680
Công ty Liên doanh Hoá chất LG - Vina	7.305.120.000	8.964.675.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	7.000.000.000	-
Công Ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	6.090.000.000	6.960.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức	5.900.440.000	6.320.300.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.562.278.000	3.910.524.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	4.459.150.000	2.318.758.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	3.882.775.000	2.688.075.000
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	3.491.321.400	1.497.058.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	3.270.400.000	2.555.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	2.852.798.700	3.153.093.300
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	2.065.500.000	1.377.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.058.570.000	5.832.615.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bạc Liêu	2.048.061.000	664.236.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	2.004.667.200	738.561.600
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	1.387.200.000	1.213.862.300
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	1.115.460.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	1.108.130.000	392.490.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bình Thuận	657.562.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Trà Vinh	649.029.000	432.686.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mê Kông	483.286.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	-	456.792.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	-	1.306.765.203
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	675.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	7.467.336.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	8.076.910.750
Công ty Cổ phần Sản xuất & Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	21.982.220.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí An Giang	-	1.445.858.913
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	5.085.000.000

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 114/NQ-DKVN ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 1524/NQ-DKVN ngày 06 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, chấp thuận giá trị chuyển nhượng của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (Petec) theo giá sổ sách kế toán của báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2013.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Toà nhà PetroTower, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với số liệu của kỳ này như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân
		VND	VND	loại lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Các khoản phải thu khác	135	965.634.062.347	39.983.813.272	1.005.617.875.619
Hàng tồn kho	141	4.925.742.587.153	(39.983.813.272)	4.885.758.773.881

Nguyễn Thị Thụy Phương
Người lập biểu

Nguyễn Đăng Trình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Nhuộm
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 3 năm 2015

PH. H. H.